

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 31 - 01 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Kim Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Minh Hoàng**

2. Bà **Hồ Thị Xuân Lan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Doãn Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Ngon** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Hạ Q**, sinh năm 1980; cư trú tại: Đường V, Phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu A**, sinh năm 1979; cư trú tại: Đường V, Phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Trần Hạ Q trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu A chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/3/2004. Vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm ngay sau khi kết hôn, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng từ 03 năm trở lại đây, dù đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nay, bà Q nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà và ông A có 01 con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 24/8/2007, hiện đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn – ông Nguyễn Hữu A trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của Q về thời gian kết hôn, ông A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q do bà Q có quan hệ tình cảm với người khác, không chăm lo gia đình.

Về con chung: Ông A không đồng ý giao con chung cho bà Q nuôi dưỡng, ông đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông và bà Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Bà Trần Hạ Q trình bày: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến có trong hồ sơ, cụ thể yêu cầu được ly hôn với ông A, được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hữu A trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, ông giữ nguyên ý kiến có trong hồ sơ, cụ thể đồng ý ly hôn với bà Q nhưng không đồng ý giao con chung cho bà Q nuôi dưỡng. Ông đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng. Tài sản chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Hạ Q và ông Nguyễn Hữu A có đăng ký kết hôn, bà Q yêu cầu ly hôn với ông A, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn”.

Tuy bị đơn khai hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ A15/466^A ấp 1, xã P, huyện B nhưng theo kết quả xác minh của Công an xã P, huyện B thì ông A không

thường xuyên sinh sống, không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ trên. Ông A cũng xác nhận đây là địa chỉ ông không đăng ký, không thường xuyên sinh sống mà chỉ đi lại. Mặt khác, theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm Thông báo số 12/TB-CAP ngày 04/01/2016 về đăng ký tạm trú nhưng không cấp sổ của Công an Phường K, Quận H và Đơn xin xác nhận tạm trú do ông A đứng đơn đề ngày 03/5/2017 đều xác định ông A có đăng ký tạm trú tại Đường V, Phường K, Quận H. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2004, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2004, cùng lời khai của bà Q và ông A về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Q và ông A là hôn nhân hợp pháp.

Bà Q khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và ông A cũng đồng ý, ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà Q và ông A có 01 con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 24/8/2007. Cả hai đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Bà Q và ông A đều có công việc ổn định, đều đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên, ông A đi làm từ sáng sớm đến 21 giờ đêm mới về là không có điều kiện về thời gian gần gũi và chăm sóc con. Mặt khác, hiện trẻ K đang sống cùng bà Q và trẻ cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ. Do đó, để giữ sự ổn định đời sống của trẻ, để trẻ có được sự phát triển tốt nhất và có xem xét đến nguyện vọng của trẻ nên việc chấp nhận yêu cầu của bà Q cũng như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giao trẻ K cho bà Q nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Q phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hạ Q về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Hạ Q được ly hôn với ông Nguyễn Hữu A.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2004, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2004).

- Về con chung: Giao cho bà Trần Hạ Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 24/8/2007. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Hữu A cho đến khi bà Q có yêu cầu.

Ông Nguyễn Hữu A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần Hạ Q phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà Q đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0027215 ngày 25/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Hạ Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Hạ Q và ông Nguyễn Hữu A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAD.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường N, Quận E;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Đặng Thị Kim Nguyên

